

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành theo Quyết định số 1409 / QĐ-ĐHKH, ngày 01 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình đào tạo: CÔNG TÁC XÃ HỘI

Tiếng Việt: Công tác xã hội

Tiếng Anh: Social work

Ngành đào tạo: Công tác xã hội

Mã ngành: 7760101

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công tác xã hội

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: 04 năm

1.2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông

1.3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thang điểm: 10
- Quy trình đào tạo: Theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT.
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - + *Điều kiện chung:* Theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT.
 - + *Điều kiện của chuyên ngành:* Không có

2. MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục đích đào tạo (Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội (CTXH) có kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành về CTXH và về các vấn đề xã hội; có kỹ năng thực hành, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; có khả năng tự học, tự trau dồi kiến thức, cập nhật các kiến thức mới để đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp chuyên môn.

1.2. Mục tiêu đào tạo (Objectives)

- Có kiến thức và lập luận ngành: để phân tích, áp dụng các kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực hoạt động của nghề CTXH.

- Có thái độ, kỹ năng cá nhân và sự chuyên nghiệp: để tiếp cận, lập luận phân tích, tư duy, tổng hợp và đề xuất sáng kiến, giải pháp để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp chuyên môn.

- Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm: để truyền đạt, đàm phán, thuyết phục, thiết lập tổ chức và lãnh đạo nhóm nhằm đạt tới mục tiêu đề ra.

- Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các mô hình hoạt động CTXH để đáp ứng sự phát triển toàn diện của một Cử nhân CTXH.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm việc tại các cơ sở quản lý Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Viện nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, có các hoạt động hoặc dịch vụ về CTXH;

- Làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như: chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, tư vấn pháp luật, truyền thông, xã hội, văn hoá, môi trường ...

- Nhân viên xã hội trong các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học,...

- Cung ứng dịch vụ CTXH tại các cơ sở và tổ chức xã hội (các cơ sở, cơ quan, tổ chức công và tư);

- Nhà tư vấn/tham vấn trong các công ty, doanh nghiệp, trung tâm làm dịch vụ tư vấn/ tham vấn tâm lý,...

- Chuyên gia, điều phối viên cho các tổ chức phi chính phủ liên quan đến các dự án hỗ trợ con người và phát triển cộng đồng;

- Làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu - đào tạo có liên quan đến CTXH;

- Giáo viên can thiệp, trị liệu trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật, tự kỷ,...

- Chức danh có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp (tùy thuộc vào vị trí công tác): giảng viên, nghiên cứu viên, Công chức, nhân viên xã hội, CTXH viên.

4. CHUẨN ĐẦU RA VÀ THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

4.1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Có kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, thống kê xã hội học, tin học và áp dụng các kiến thức đó vào cuộc sống và lĩnh vực chuyên môn.	3

1.2	Hiểu biết, vận dụng, phân tích các kiến thức về xã hội học, tâm lý học, an sinh xã hội, hành vi con người và môi trường xã hội, trợ giúp và bảo đảm xã hội, giới và phát triển, phương pháp điều tra xã hội học.	3
1.3	Biết, hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng cơ bản về CTXH như: Lý thuyết và thực hành CTXH, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, CTXH với PTCĐ, CTXH với các nhóm xã hội đặc thù.	3
1.4	Phân tích và vận dụng các kiến thức chuyên biệt trong lĩnh vực CTXH khác nhau như CTXH trong trường học, CTXH trong bệnh viện, CTXH với dân tộc thiểu số, phát triển cộng đồng, CTXH với người khuyết tật, CTXH với trẻ em, CTXH với nạn nhân bị mua bán, CTXH với nhóm trẻ rối loạn phát triển,...	3
2	Thái độ, kỹ năng cá nhân và sự chuyên nghiệp	
2.1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.	3
2.2	Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức.	3
2.3	Khả năng tư duy hệ thống về các vấn đề xã hội và thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn trong giải quyết các vấn đề xã hội thuộc lĩnh vực can thiệp của CTXH.	3
2.4	Kỹ năng và thái độ cá nhân Có năng lực đề xuất sáng kiến trong công việc chuyên môn, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có khả năng học tập suốt đời, khả năng sắp xếp và quản lý thời gian phù hợp.	3
2.5	Có đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp như trung thực và trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp, lịch sự, phấn đấu vì sự phát triển nghề nghiệp của bản thân, luôn cập nhật những thông tin mới trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3
3	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	
3.1	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	4
3.2	Có kỹ năng giao tiếp tốt và giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: văn bản, giao tiếp điện tử, có khả năng thuyết trình.	3
3.3	Sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giao tiếp cơ bản, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ.	3
4	Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn đặt trong bối cảnh xã hội	

4.1	Xác định, phân tích, đánh giá được bối cảnh, vị trí và vai trò của ngành đối với xã hội.	2
4.2	Hiểu biết bối cảnh, vị trí, vai trò của ngành trong các lĩnh vực y tế, tham vấn học đường, sức khoẻ cộng đồng, bảo trợ xã hội, giáo dục chuyên biệt, phát triển cộng đồng bền vững, hỗ trợ và can thiệp các vấn đề xã hội của các cá nhân và nhóm xã hội.	3
4.3	Hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống.	3
4.4	Thiết kế các hoạt động can thiệp, hỗ trợ giải quyết các vấn đề của các cá nhân, nhóm xã hội, cộng đồng xã hội. Hiểu và vận dụng các kiến thức liên ngành, kiến thức chuyên ngành quá trình thiết kế, vận hành thiết kế quy trình hỗ trợ, can thiệp giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh đối với các cá nhân, nhóm xã hội, cộng đồng xã hội.	3
4.5	Triển khai thiết kế quy trình hỗ trợ, can thiệp, lượng giá và quản trị hiệu quả quá trình giải quyết các vấn đề xã hội của cá nhân, nhóm và cộng đồng.	3
4.6	Vận hành quy trình hỗ trợ, can thiệp, lượng giá và quản trị hiệu quả quá trình giải quyết các vấn đề xã hội của cá nhân, nhóm và cộng đồng. Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng, cũng như quản trị hệ thống thực hành CTXH.	3

4.2. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$TĐNL \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/nhận ra/nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < TĐNL \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận,...
$2.0 < TĐNL \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$3.0 < TĐNL \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...

$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Sinh viên kiến tạo/sắp xếp/tổ chức/thiết kế/khái quát hoá các chi tiết/bộ phận theo cách khác/mới để tạo ra cấu trúc/mô hình mới

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ

Không bao gồm kiến thức giáo dục thể chất (GDTC) và giáo dục Quốc phòng – An ninh (GDQP-AN)

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1.Kiến thức giáo dục đại cương	36 (26,5%)	33	03
2.Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	99 (73,3%)	82	17
- Kiến thức cơ sở ngành	40 (29,6%)	32	08
- Kiến thức chuyên ngành	38 (28,1%)	29	9
- Thực tập, thực tế chuyên môn	14 (10,4%)	14	0
- Khoá luận (hoặc HP thay thế)	07 (5,2%)	07	0
Tổng	135	115	20

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	HP học trước
7.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	36	
7.1.1	Lý luận chính trị	11	
7.1.1.1	Triết học Mác-Lênin	3	
7.1.1.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
7.1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
7.1.1.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
7.1.1.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
7.1.2	Ngoại ngữ	10	
7.1.2.1	Tiếng Anh 1	4	7.1.2.1
7.1.2.2	Tiếng Anh 2	3	7.1.2.2
7.1.2.3	Tiếng Anh 3	3	7.1.1.1; 7.1.1.2

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	HP học trước
7.1.3	Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	6	
7.1.3.1	Tin học đại cương	3	
7.1.3.2	Môi trường phát triển bền vững	3	
7.1.4	Khoa học xã hội và nhân văn	9	
	Bắt buộc	6	
7.1.4.1	Pháp luật đại cương	2	
7.1.4.2	Thống kê xã hội học	2	7.1.3.1
7.1.4.3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	7.1.1.1
	Tự chọn	3/9	
7.1.4.4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
7.1.4.5	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	
7.1.4.6	Khoa học quản lý đại cương	3	
7.1.5	Giáo dục thể chất (*) (Chọn 3/6 môn)		
7.1.5.1	Bóng chuyền		
7.1.5.2	Bóng rổ		
7.1.5.3	Cầu lông		
7.1.5.4	Tennis		
7.1.5.5	Khiêu vũ thể thao		
7.1.5.6	Bơi		
7.1.6	Giáo dục quốc phòng (*)		
7.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
7.2.1.	Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành	40	
	Học phần bắt buộc	36	
7.2.1.1	Xã hội học đại cương	3	1.1.1
7.2.1.2	Tâm lý học đại cương	2	
7.2.1.3	Tâm lý học phát triển	4	7.2.1.2
7.2.1.4	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	3	7.2.1.1
7.2.1.5	Hành vi con người và môi trường xã hội	4	7.2.1.2; 7.1.3.2
7.2.1.6	Trợ giúp xã hội	4	7.2.1.1; 7.2.1.4
7.2.1.7	Giới và phát triển	3	7.2.1.1
7.2.1.8	Tham vấn tâm lý	3	7.2.1.2; 7.2.1.3
7.2.1.9	Lý thuyết công tác xã hội	3	

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	HP học trước
7.2.1.10	Kỹ năng giao tiếp	3	
7.2.1.11	Phương pháp điều tra xã hội học	2	7.2.1.1
7.2.1.12	Phân tích và xử lý số liệu với phần mềm SPSS	2	7.1.3.1; 7.2.1.1
Học phần tự chọn		4/10	
7.2.1.13	Bảo hiểm xã hội	2	7.2.1.4
7.2.1.14	Truyền thông và vận động xã hội	2	7.2.1.1; 7.2.1.4;
7.2.1.15	Nghiệp vụ văn phòng	2	
7.2.1.16	Phương pháp nghiên cứu định tính trong khoa học xã hội	2	7.2.1.1
7.2.1.17	Khởi nghiệp	2	
7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	38	
Học phần bắt buộc		35	
7.2.2.1	Nhập môn Tâm lý trị liệu	3	
7.2.2.2	Công tác xã hội đại cương	3	
7.2.2.3	Công tác xã hội với cá nhân	3	7.2.2.2
7.2.2.4	Công tác xã hội với nhóm	3	7.2.2.3
7.2.2.5	Quản trị công tác xã hội	2	7.2.1.9; 7.2.2.1 7.2.2.2
7.2.2.6	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3	7.2.1.9; 7.2.2.1; 7.2.2.2; 7.2.1.11
7.2.2.7	Công tác xã hội trường học	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.2.8	Công tác xã hội trong y tế	3	7.2.2.1; 7.2.2.2; 7.2.2.3; 7.2.2.4
7.2.2.9	Công tác xã hội với trẻ em	3	7.2.2.1; 7.2.2.2; 7.2.2.3
7.2.2.10	Công tác xã hội với dân tộc thiểu số	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.2.11	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.2.12	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
Học phần tự chọn		3/12	

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	HP học trước
7.2.2.13	Công tác xã hội với người nghèo*	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.2.14	Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.2.15	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.2.16	Công tác xã hội với người sử dụng ma túy	3	7.2.2.1; 7.2.2.2 7.2.2.3
7.2.3.	Thực hành, thực tập tốt nghiệp (14 tín chỉ)		
7.2.3.1	Thực hành Công tác xã hội 1	3	7.2.2.3
7.2.3.2	Thực hành Công tác xã hội 2	3	7.2.2.4; 7.2.3.1
7.2.3.3	Thực hành Công tác xã hội 3	3	7.2.2.6; 7.2.3.2
7.2.3.4	Thực tập tốt nghiệp	5	7.2.3.3
7.2.4	Tốt nghiệp (sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức)	07	
7.2.4.1	Khóa luận TN hoặc HP thay thế	7	
7.2.4.2	Học phần thay thế tốt nghiệp	7/7	
7.2.4.2.1	Chuyên đề 1: Quản lý giáo dục hoà nhập	3	
7.2.4.2.2	Chuyên đề 2: Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán	4	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	HDJ131	Công tác xã hội đại cương	03	
2	GES132	Xã hội học đại cương	03	
3	KIN221	Kỹ năng giao tiếp	03	
4	ENG141	Tiếng Anh 1	04	
5		<i>Tự chọn</i>	2/10	
5.1	FKO121	Truyền thông và vận động xã hội*	2	
5.2	QRM221	Phương pháp nghiên cứu định tính trong khoa học xã hội	2	
6		Giáo dục thể chất 1		
Tổng			15	

Học kỳ 2

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	MLT131	Triết học Mác – Lênin	03	
2	ENG132	Tiếng Anh 2	03	
3	MSR121	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	02	
4	LIW322	Pháp luật đại cương	02	
5	GIF131	Tin học đại cương	03	
6	SSS332	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	03	
7	GEP221	Tâm lý học đại cương	02	
8	<i>Tự chọn</i>		03/09	
8.1	VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam*	03	
8.2	GVH221	Lịch sử Việt Nam đại cương	03	
8.3	GMS331	Khoa học quản lý đại cương	03	
9		Giáo dục thể chất 2		
Tổng			21	

Học kỳ 3

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	02	
2	ENG133	Tiếng Anh 3	03	
3	SDP231	Tâm lý học phát triển	04	
4	PSC231	Tham vấn tâm lý	03	
5	HBS221	Hành vi con người và môi trường xã hội	04	
6	TIS431	Lý thuyết CTXH	03	
8	PHE133	Giáo dục thể chất 3		
Tổng			19	

Học kỳ 4

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	HKM221	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02	
2	GDE221	Giới và phát triển	03	
3	ITP131	Nhập môn tâm lý trị liệu	03	
4	SOS221	Thống kê xã hội học	02	
5	SPN431	Môi trường và phát triển bền vững	03	
6	SIG341	CTXH với cá nhân	03	
7	MSS321	Phương pháp điều tra xã hội học	02	
8	<i>Tự chọn</i>		02/06	

8.1	GDF231	Nghiep vụ văn phòng (*)	02	
8.2	DJU221	Khởi nghiệp	02	
8.3	STB221	Bảo hiểm xã hội	02	
Tổng			20	

Học kỳ 5

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	SIG432	CTXH với nhóm	03	
2		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	02	
3	SOA241	Trợ giúp xã hội	04	
4	ITP131	Quản trị Công tác xã hội	02	
5	SWP431	Thực hành Công tác xã hội 1	03	
6	STB231	Phân tích và xử lý số liệu với phần mềm SPSS	02	
Tổng			16	

Học kỳ 6

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	KIIT331	Tổ chức và phát triển cộng đồng	03	
2	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02	
3	SWR923	Công tác xã hội trường học	03	
4	TIG421	Công tác xã hội trong y tế	03	
5	CDM331	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	03	
6	SOW432	Thực hành Công tác xã hội 2	03	
Tổng			17	

Học kỳ 7

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	SCF331	Công tác xã hội với trẻ em	03	
2	SEM321	Công tác xã hội với dân tộc thiểu số	03	
3	SWR433	Công tác xã hội với người khuyết tật	03	
4	SOW432	Thực hành công tác xã hội 3	03	
5		Tự chọn	03/12	
5.1	SPJ331	Công tác xã hội với người nghèo *	03	
5.2	SWH421	Công tác xã hội với người sử dụng ma túy	03	
5.3	SGE331	Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	03	
5.4	SCM331	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội	03	
Tổng			15	

Học kỳ 8

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	SWP431	Thực tập tốt nghiệp	05	
2		Khoá luận TN/Học phần thay thế TN	07	
		Học phần thay thế tốt nghiệp	07	
2.1	MIE431	Chuyên đề 1: Quản lý giáo dục hoà nhập	3	
2.2	GFJ441	Chuyên đề 2: Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán	4	
Tổng			12	

9. MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (36 tín chỉ)

[1] *Triết học Mác – Lê nin (03 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS: trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác-Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội, và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác – Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

[2] *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (02 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất TBCN qua việc nghiên cứu 03 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và CNTB độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi

phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất TBCN mà còn chỉ ra tính tất yếu của sự sụp đổ CNTB và sự thắng lợi của CNXH.

[3] Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng HCM, những chính sách, đường lối, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, cung cấp thêm tri thức các lĩnh vực như KHXH&NV, nghiên cứu sự vận động của xã hội, thủ tiêu CNTB, xây dựng XHCN, xã hội CSCN.

[4] Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng HCM; hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của CMVN, bao gồm vấn đề dân tộc và CMTD, CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Đảng CSVN; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hoá và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

[5] Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng CSVN – chủ thể hoạch định đường lối CMVN; những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của CMVN, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo CMVN,

từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến CMXHCN, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

[6] Tiếng Anh 1 (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc của các thì hiện đại đơn giản, thì quá khứ đơn, thì hiện đại tiếp diễn; cách sử dụng: các mạo từ tiếng Anh, các tính từ sở hữu, sở hữu cách, các giới từ chỉ thời gian, trạng từ chỉ tần suất; cấu trúc ngữ pháp của thì quá khứ đơn giản của động từ *be: was/were*; thì quá khứ đơn của động từ theo quy tắc và bất quy tắc; cung cấp hệ thống từ vựng về các chủ điểm quen thuộc như: gia đình, bạn bè, sở thích, đồ vật, địa điểm,...

[7] Tiếng Anh 2 (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc của thì quá khứ đơn giản; cách sử dụng danh từ đếm được và không đếm được, động từ khuyết thiếu, câu hỏi và câu phủ định, cách nói lịch sự; cách nói chỉ thói quen, các từ ngữ chỉ thời gian; cách giao tiếp trong các tình huống thường ngày; cấu trúc ngữ âm và các hình thức so sánh trong tiếng Anh.

[8] Tiếng Anh 3 (04 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 04 (04/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên nâng cao kiến thức mà sinh viên đã đạt được ở TA 1, 2 và các kỹ năng thực hành tiếng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở giai đoạn nâng cao. Đây là lượng kiến thức Tiếng Anh nằm trong khối lượng kiến thức chung mở rộng và toàn diện mà sinh viên cần phải nắm được để làm nền móng cho việc phát triển học tập tiếp theo.

[9] Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung và của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự.

[10] Tin học đại cương (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tin học đại cương gồm 30 tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận và 30 tiết thực hành nhằm trang bị cho SV các kiến thức về Tin học theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. Cụ thể:

- SV biết, hiểu về phần cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành. Nắm được kiến thức về các loại máy tính, kiến trúc phần cứng và nguyên lý hoạt động của máy tính, cũng như các nguyên tắc xử lý sự cố máy tính cơ bản;

- SV có kiến thức, kỹ năng cần thiết để soạn thảo và trình bày một văn bản hoàn chỉnh, đồng thời sử dụng được một số công cụ phụ trợ nhằm xử lý văn bản nhanh hơn bằng ứng dụng Microsoft Word;

- Biết, hiểu và sử dụng thành thạo công cụ Microsoft Excel để tính toán, thống kê, phân tích...

- Có kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc hiệu quả với phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint. Từ đó, có thể sử dụng các tính năng cơ bản phần mềm này để tạo ra các bài trình chiếu, báo cáo cuốn hút và chuyên nghiệp.

- Biết được mạng máy tính và Internet là gì? Hiểu rõ tầm quan trọng của Internet trong việc học tập và cuộc sống hàng ngày, giúp người học sử dụng Internet an toàn và hiệu quả hơn.

[11] Môi trường và phát triển bền vững (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Môi trường và phát triển bền vững bao gồm những nội dung chính sau: kiến thức cơ bản về môi trường và phát triển, phân biệt phát triển bền vững và phát triển không bền vững; nội dung về mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc của phát triển bền vững; khó khăn khi thực hiện phát triển bền vững ở những vùng sinh thái cơ bản; quản lý môi trường nhằm định hướng phát triển bền vững

[12] Giáo dục thể chất

Nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về giáo dục thể dục thể thao: Lịch sử hình thành, phát triển của thể dục, thể thao Việt Nam; phong trào Olympic; Giáo dục thể chất trong trường Đại học, một số khái niệm cơ bản liên quan trong lĩnh vực thể dục, thể thao; chấn thương trong thể thao và các bệnh thường gặp trong tập luyện thể dục, thể thao; Khái quát chung về kỹ thuật và luật một số môn thể thao; thực hành kỹ thuật một số môn thể thao.

[13] Giáo dục quốc phòng

Giáo dục quốc phòng-an ninh góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu CNXH, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng và công tác quản lý của nhà nước về QP-AN; có kỹ năng quân sự để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

[14] Thống kê xã hội học (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên một số kết quả cơ bản, đơn giản của thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến. Các khái niệm thường dùng trong thống kê: Tổng thể thống kê, mẫu thống kê, đơn vị thống kê, biến lượng, độ tin cậy, tính đại diện của số liệu. Khái niệm về phân phối thống kê, ý nghĩa. Các loại bảng phân phối thống kê, bảng phân phối số liệu thô, tần số, tần suất. Biểu đồ thống kê. Các chỉ số biểu diễn mức độ tập trung của biến lượng: Mode, Median và trung bình mẫu. Các chỉ số biểu diễn mức độ phân tán của biến lượng: Khoảng biến thiên, phương sai, độ lệch tiêu chuẩn, hệ số biến thiên. Ước lượng tham số: 2 - Kiểm định giả thiết về mối tương qua giữa tham số biến lượng với giá trị cho trước và giữa hai tham số biến lượng. Hồi qui và tương quan.

9.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (99 tín chỉ)

9.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành

Học phần bắt buộc

9.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (99 tín chỉ)

9.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành

Học phần bắt buộc

[1.] Xã hội học đại cương (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học; các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; phương pháp điều tra xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân,

nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội.

[2.] Tâm lý học đại cương (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Các vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học độc lập; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành, phát triển tâm lý – ý thức; hoạt động nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, ý chí, nhân cách và các thuộc tính nhân cách. Sinh viên hình thành quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý; có ý thức tìm hiểu tâm lý con người nói chung và vận dụng vào bản thân để phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu và cuộc sống. Đồng thời hình thành kỹ năng học tập, nghiên cứu khoa học, tăng khả năng liên hệ, vận dụng kiến thức lý thuyết vào đời sống thực tiễn.

[3.] Tâm lý học phát triển (04 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập:

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Những vấn đề chung của tâm lý học phát triển; Đặc điểm và các giai đoạn phát triển tâm lý của con người; Giới thiệu cơ sở lý luận về trẻ em, sự phát triển tâm lý trẻ và sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi con người theo quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Phân tích các đặc trưng trong sự phát triển tâm lý con người theo lứa tuổi và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý đó. Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về tâm lý con người theo từng lứa tuổi để có thể vận dụng được trong thực tế cuộc sống và hoạt động chuyên môn. Xác định các giai đoạn lứa tuổi và phân tích các đặc điểm tâm lý đặc trưng của từng lứa tuổi, giải thích những biểu hiện tâm lý và tìm ra những biện pháp ứng xử phù hợp với con người trong những tình huống cụ thể.

[4.] An sinh xã hội và các vấn đề xã hội (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị những kiến thức về an sinh xã hội cho sinh viên với những nội dung cơ bản: Tổng quan về an sinh xã hội: Phân tích lịch sử hình thành; Khái niệm an sinh xã hội, đánh giá vị trí, vai trò của an sinh xã hội đối với sự phát triển của xã hội nói chung. Chứng minh an sinh xã hội là một khoa học liên ngành, mối quan hệ của an sinh xã hội với CTXH và các lĩnh vực có liên quan. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về những hợp phần cấu thành nên hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam, sự cần thiết đối với việc nâng cao nhận thức về an sinh xã hội. Tìm hiểu và phân tích các vấn đề xã hội nổi bật ở Việt Nam hiện nay và các giải pháp của an sinh xã hội.

[5.] Hành vi con người và môi trường xã hội (04 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 04 (04/0/08)

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương; Môi trường và phát triển bền vững

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: khái niệm hành vi của con người; cách phân loại hành vi con người; các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của con người; môi trường xã hội; quá trình hình thành hành vi ở con người; nhận thức về ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với việc tạo nên hành vi; vai trò của hành vi trong việc cải tạo và hoàn thiện môi trường xã hội. Mặt khác giới thiệu cho sinh viên thấy được mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội trong suốt vòng đời của con người cùng với một số phương pháp thay đổi, trị liệu hành vi cơ bản.

[6.] Trợ giúp xã hội (04 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 04 (04/0/08)

Học phần học trước: An sinh xã hội

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức cơ bản về trợ giúp xã hội: Khái niệm, tính tất yếu của hoạt động trợ giúp xã hội, các nguyên tắc của trợ giúp. Học phần giúp người học biết được hệ thống các chính sách trợ giúp ở Việt Nam hiện nay như chính sách với người cao tuổi, chính sách với người khuyết tật, chính sách với người nghiện ma túy... Ngoài ra học phần cũng giúp sinh viên thấy được vai trò tổ chức và quản

lý hoạt động trợ giúp của các cơ quan có liên quan như Quốc hội, chính phủ, Bộ lao động – thương binh xã hội...

[7.] Giới và phát triển (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Xã hội học đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp kiến thức về giới, các khái niệm, lý thuyết về giới và phát triển. Học phần giúp người học liên hệ thực tế với các các vấn đề giới trong giáo dục, y tế, lao động, việc làm...đồng thời giúp hiểu rõ vai trò của mỗi giới trong sự phát triển của gia đình, cộng đồng và xã hội. Kết thúc học phần người học sẽ hiểu rõ, phân biệt được các khái niệm, thực trạng bình đẳng giới trong một số lĩnh vực, các công cụ phân tích giới, qua đó có chiến lược tăng quyền lực cho phụ nữ, và việc lồng ghép bình đẳng giới vào các chương trình dự án cũng như các chính sách liên quan.

[8.] Tham vấn tâm lý (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương, tâm lý học phát triển

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giới thiệu và cung cấp cho sinh viên các khái niệm và lý thuyết tổng quan của hoạt động tham vấn tâm lý, các kiến thức cơ bản về các quan điểm và lịch sử phát triển của tham vấn tâm lý trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, giúp sinh viên nắm được các kiến thức về xác định mục đích, nguyên tắc, quy trình và phương pháp tiến hành tham vấn tâm lý. Về thực hành, khuyến khích sinh viên tham gia vào các tình huống giả định nhằm áp dụng các kỹ năng và kiến thức tham vấn đã học. Từ đó, giúp sinh viên nắm được những điểm trọng yếu trong lý thuyết và thực hành tham vấn tâm lý. Đặc biệt, cung cấp cho sinh viên những kỹ năng tham vấn thông qua việc sắm vai trên lớp với những tình huống cụ thể.

[9.] Lý thuyết CTXH (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Công tác xã hội đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống lý thuyết thực hành trong CTXH; từ đó có khả năng phân tích và vận dụng những lý thuyết này vào các lĩnh vực hoạt động của CTXH cá nhân, CTXH với nhóm và phát triển cộng đồng. Cung cấp kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm việc nhằm hỗ trợ người học có định hướng rõ ràng trong hoạt động thực hành CTXH; vận dụng các lý thuyết để giải thích vấn đề, giúp đỡ thân chủ, đưa ra các hoạt động cụ thể để can thiệp và giải quyết các vấn đề thân chủ đang gặp phải.

[10.] Kỹ năng giao tiếp (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và các nội dung của kỹ năng giao tiếp cơ bản, thuyết trình, thuyết phục, kỹ năng giao tiếp thông thường, kỹ năng tham dự phòng vấn.

[11.] Phương pháp điều tra xã hội học (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Xã hội học đại cương, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Về lý thuyết, học phần cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm và loại hình nghiên cứu xã hội học; các giai đoạn và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; các cách chọn mẫu; các phương pháp nghiên cứu và các phương pháp thu thập thông tin; các kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin định lượng và định tính; cách viết báo cáo khoa học. Về thực hành, sinh viên được hướng dẫn chọn đề tài nghiên cứu, thiết kế chương trình nghiên cứu, thực hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin, viết báo cáo khoa học.

[12.] Phân tích và xử lý số liệu với phần mềm SPSS (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Phương pháp điều tra xã hội học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm trang bị cho người học các kỹ năng căn bản về sử dụng phần mềm thống kê như SPSS nhằm phục vụ cho việc xử lý các số liệu thống kê. Những kỹ năng này sẽ giúp người học xử lý các dữ liệu định lượng trong quá trình thực hiện các nghiên cứu CTXH. Các kỹ năng chính được chú trọng phát triển trong học phần bao gồm: kỹ năng tạo và cập nhật dữ liệu trong SPSS, kỹ năng thao tác tập tin dữ liệu trong SPSS, kỹ năng phân tích dữ liệu dùng thống kê mô tả, kỹ năng phân tích dữ liệu dùng thống kê mô tả, kỹ năng phân tích dữ liệu dùng thống kê suy diễn.

Học phần tự chọn (8/14 tín chỉ)

[1.] Bảo hiểm xã hội (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: An sinh xã hội

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức chung về bảo hiểm xã hội, phân tích và tính toán được các mức trợ cấp trong chế độ BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện, gồm các nội dung cơ bản như: Các khái niệm ban đầu về bảo hiểm và bảo hiểm xã hội; Luật định và tình huống về chế độ ốm đau và thai sản; Luật định và tình huống về chế độ tai nạn lao động và chế độ bệnh nghề nghiệp; Luật định và tình huống về chế độ hưu trí; Luật định và tình huống về chế độ tử tuất; Luật định về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tự nguyện, biểu mẫu về thu và chi bảo hiểm xã hội.

[2.] Truyền thông và vận động xã hội (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Xã hội học đại cương, An sinh xã hội

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về truyền thông và vận động xã hội (khái niệm, các hình thức truyền thông và vận động xã hội, các phương pháp và kỹ năng truyền thông). Trên cơ sở đó người học có khả năng xây dựng và tổ chức các chương trình truyền thông, vận động xã hội cụ thể tới các nhóm đối tượng tại cộng đồng, nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao kiến thức và năng lực cho các nhóm, các cộng đồng về các vấn đề cụ thể..

[3.] Nghiệp vụ văn phòng (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu và hoàn thiện dần những kỹ năng cơ bản của người làm công tác văn phòng như sắp xếp lịch làm việc, sắp chuyến đi công tác của cơ quan và người lãnh đạo; sắp xếp hồ sơ tài liệu; tổ chức hội họp; soạn thảo văn bản; giao tiếp ứng xử văn phòng.

[4.] Phương pháp nghiên cứu định tính trong KHXH (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về nghiên cứu định tính; phân biệt được sự khác nhau giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng; hiểu được giá trị của tính trung thực trong nghiên cứu định tính; biết và hiểu trình tự của một nghiên cứu định tính, từ đó có khả năng thiết kế một nghiên cứu định tính độc lập.

[5.] Khởi nghiệp (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/04)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết, kiến thức nền và những nội dung quan trọng cần có cho quá trình khởi sự kinh doanh, những gì thuộc về tinh thần khởi nghiệp, những loại hình doanh nghiệp phổ biến,... Qua đó sinh viên sẽ có được những nhận định rõ ràng hơn về những thứ cần có, cần chuẩn bị, và những khó khăn, thách thức sẽ phải đối mặt khi quyết định khởi nghiệp. Từ đó có thể giúp sinh viên tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá các cơ hội, ý tưởng kinh doanh, từ đó xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh tổng thể. Các chủ đề về marketing, thị trường, tài

chính, nhân sự, tổ chức triển khai thành lập doanh nghiệp cũng là những nội dung kiến thức chính, trọng tâm của môn học này.

9.2.2. *Khởi kiến thức chuyên ngành*

Học phần bắt buộc

[1.] *Nhập môn Tâm lý trị liệu (03 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tâm lý trị liệu như: thiết lập mối quan hệ trị liệu, sử dụng kỹ năng giao tiếp trong tâm lý trị liệu, thiết kế quy trình trị liệu cụ thể trên một số trường hợp; đồng thời giúp cho sinh viên hiểu được vai trò của chuyên ngành tâm lý trị liệu trong đời sống và vị thế của nhà trị liệu; cũng như ứng dụng kiến thức tâm lý trị liệu trong hoạt động CTXH.

[2.] *Công tác xã hội đại cương (03 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức gồm: các khái niệm cơ bản, hệ thống lý thuyết ứng dụng trong CTXH, quá trình hình thành nghề CTXH, các nguyên tắc hành động, quy điều đạo đức, quan điểm giá trị, tiến trình của CTXH và các phương pháp thực hành CTXH cơ bản. Bên cạnh đó, học phần trang bị và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành cơ bản, kỹ năng tư duy, phân tích các vấn đề xã hội. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng một số phương pháp và kỹ năng thực hành cơ bản trong CTXH, hướng đến phân tích, lựa chọn cách giải quyết một vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng, xã hội. Đồng thời, học phần cũng tập trung tìm hiểu vai trò của CTXH trong một số lĩnh vực đặc thù.

[3.] *Công tác xã hội với cá nhân (03 tín chỉ)*

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống lý thuyết và mô hình ứng dụng trong can thiệp, trợ giúp cá nhân; các nguyên tắc hành động, các bước thực hiện trong tiến trình giải quyết vấn đề và đặc biệt là trang bị các kỹ năng, kỹ thuật cần thiết cho người học khi thực hành phương pháp CTXH với cá nhân thân chủ. Qua đó, sinh viên biết cách tự rèn luyện kỹ năng, vận dụng linh hoạt vào quá trình thực hành.

[4.] Công tác xã hội với nhóm (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trình bày phương pháp thứ 2 trong thực hành CTXH nói chung giúp cho người học lĩnh hội kiến thức về phương pháp CTXH nhóm bao gồm những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển CTXH nhóm, vị trí, khái niệm và đặc trưng CTXH nhóm. Bên cạnh đó, sẽ giúp sinh viên biết về vai trò của nhân viên xã hội đối với hoạt động thành lập nhóm trợ giúp, làm như thế nào để tăng cường các vai trò, sự tham gia tích cực của các nhóm viên trong hoạt động của nhóm, đánh giá sự chuyển biến hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Qua học lý thuyết và thực hành, sinh viên vừa nắm vững kiến thức nền tảng đồng thời có khả năng nghiên cứu, vận dụng phân tích các vấn đề trong nhóm, phát huy năng lực trong tiếp cận và ứng dụng vào thực tế.

[5.] Quản trị Công tác xã hội (02 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 02 (02/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về các khái niệm liên quan đến quản trị CTXH như quản trị, quản trị CTXH, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, ra quyết định, kiểm huấn; mục đích, tầm quan trọng, vai trò, các chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc của quản trị; các quy điều đạo đức cần có của một nhà quản trị CTXH; khái quát sự phát triển các tư tưởng quản trị từ quan điểm truyền thống đến quan điểm hành vi và quan điểm

chất lượng; cung cấp hiểu biết chuyên sâu và những kỹ năng nghề nghiệp về quản trị CTXH ở cấp nhân viên như quản lý ca và kiểm huấn trong CTXH cũng như quản trị CTXH ở cấp độ tổ chức như tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, ra quyết định, kiểm tra và truyền thông trong quản trị CTXH. Thông qua quá trình học tập, học phần nhấn mạnh đến việc áp dụng, liên hệ các kiến thức với các cơ sở xã hội thực tế hiện nay của ngành CTXH để sinh viên có nhìn nhận, đánh giá sâu hơn những kiến thức học phần cung cấp.

[6.] Tổ chức và phát triển cộng đồng (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tổ chức và phát triển cộng đồng nhằm giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết căn bản về các khái niệm của phát triển cộng đồng, các giá trị và nguyên tắc trong phát triển cộng đồng; xây dựng và phát huy năng lực cộng đồng hướng đến phát triển bền vững. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cần thiết của một tác viên phát triển cộng đồng và các kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng. Từ đó, giúp sinh viên liên kết chặt chẽ giữa tổ chức và phát triển cộng đồng với các phương pháp CTXH.

[7.] Công tác xã hội trong trường học (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03/0/06

Học phần học trước: CTXH đại cương, Đạo đức nghề CTXH, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm.

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về CTXH trong lĩnh vực trường học bao gồm: khái niệm, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên CTXH trường học, quá trình hình thành và phát triển của CTXH trường học trên thế giới và ở Việt Nam; các phương pháp trong thực hành CTXH trong trường học (*phương pháp CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, quản lý ca, tham vấn*), cơ sở pháp lý của hoạt động CTXH trong trường học, các nguyên tắc và kỹ năng trong thực hành CTXH trong trường

học; kiến thức về các vấn đề mang tính cấp bách trong trường học hiện nay như: bạo lực học đường, học sinh nghiện internet, sức khỏe tâm thần trong trường học...

[8.] Công tác xã hội trong y tế (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, Đạo đức nghề CTXH, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm.

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về CTXH trong lĩnh vực y tế bao gồm: Khái niệm, mục đích, vai trò và nhiệm vụ cơ bản của nhân viên xã hội trong lĩnh vực y tế, những phương pháp thực hành cơ bản (*Phương pháp quản lý trường hợp, phương pháp CTXH nhóm, phương pháp tham vấn tâm lý, phương pháp truyền thông...*), kỹ năng thực hành và quy trình thực hành CTXH trong lĩnh vực y tế (*Quy trình vận động, tiếp nhận và điều phối nguồn lực; Quy trình tổ chức sự kiện; Quy trình truyền thông; Quy trình quản lý trường hợp/ca; Quy trình làm việc nhóm; Quy trình tham vấn tâm lý; Quy trình hỗ trợ người bệnh...*).

[9.] Công tác xã hội với trẻ em (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản và cơ sở pháp lý về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; các phương pháp CTXH ứng dụng trong can thiệp, trợ giúp trẻ; các nguyên tắc hành động, các bước thực hiện trong tiến trình giải quyết vấn đề cho trẻ em nói chung và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần khi thực hành CTXH với trẻ em; trẻ em bị lạm dụng/xâm hại. Học phần gồm những nội dung cơ bản sau: Các khái niệm cơ bản về CTXH với trẻ em; Cơ sở khoa học khi làm việc với trẻ em; Quyền trẻ em và các cơ sở pháp lý; Các nguyên tắc hành động của nhân viên xã hội; Phương pháp, tiến trình giải quyết vấn đề của trẻ em nói chung và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.

[10.] Công tác xã hội với dân tộc thiểu số (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, Tổ chức và PTCĐ

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về CTXH đối với các DTTS ở Việt Nam. Nội dung của học phần đề cập đến vai trò CTXH với các DTTS; những đặc điểm về lãnh thổ, vùng miền, đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hóa của các DTTS có ảnh hưởng đến CTXH, nguồn nhân lực về CTXH ở các DTTS. Đồng thời cũng liên quan đến những vấn đề, nội dung cơ bản của CTXH đối với các DTTS ở Việt Nam.

[11.] Công tác xã hội với người khuyết tật (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp cho người học nắm được những vấn đề chung của người khuyết tật: khái niệm, phân loại, nguyên nhân; cách phòng ngừa và phục hồi chức năng giảm bớt ảnh hưởng do khuyết tật gây nên. Nắm được thực trạng của việc chăm sóc, giáo dục cho người khuyết tật; Các mô hình lý luận về người khuyết tật và các văn bản pháp luật liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người khuyết tật. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp cho người học hiểu được những trải nghiệm về sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật hiện nay; Các mô hình trợ giúp người khuyết tật đã được thực hiện. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kỹ năng, các nguyên tắc hoạt động, các phương pháp tác nghiệp của nhân viên công tác xã hội khi tham gia chăm sóc giúp đỡ người khuyết tật.

[12.] Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, Tổ chức và PTCĐ

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về các khái niệm: rủi ro, thiên tai, các loại hình thiên tai phổ biến hiện nay. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cần thiết của một nhân viên xã hội hỗ trợ cộng đồng khi xảy ra thiên tai khẩn cấp theo quy trình hỗ trợ trước, trong và sau thiên tai. Học phần cũng giới thiệu cho sinh viên các công cụ hỗ trợ hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Từ đó, giúp sinh viên liên kết chặt chẽ giữa hoạt động hỗ trợ, quản lý cộng đồng trước rủi ro thiên tai các phương pháp CTXH.

Học phần tự chọn (9/21 tín chỉ)

[1.] Công tác xã hội với người nghèo (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, Tổ chức và PTCD

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Quan điểm lịch sử về mối quan hệ giữa xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và sự phát triển của quốc gia; Thực trạng nghèo đói và vấn đề việc làm ở Việt Nam; Các chính sách, chương trình của Nhà nước trong xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm ở Việt Nam; Các phương pháp của CTXH trong can thiệp hỗ trợ người nghèo và cộng đồng. Thông qua đó, người học nắm được thực trạng nghèo đói và vấn đề việc làm ở Việt Nam, vai trò của CTXH với xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm và vận dụng thành thạo các phương pháp của CTXH trong xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm.

[2.] Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung chủ yếu: Kiến thức chung về CTXH, bình đẳng giới và bạo lực gia đình; thực trạng bình đẳng giới và bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay; ứng dụng CTXH trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình... Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được từ khái quát đến cụ thể, từ lý

thuyết đến thực hành của hoạt động CTXH trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

[3.] Quản lý trường hợp trong CTXH (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về mô hình quản lý trường hợp, các nguyên tắc trong quản lý trường hợp, các bước thực hiện và kỹ năng cơ bản trong quy trình quản lý trường hợp. Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng quy trình quản lý trường hợp vào việc tìm kiếm, kết nối và điều phối các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của đối tượng các đối tượng tại các trung tâm, dịch vụ CTXH.

[4.] Công tác xã hội với người sử dụng ma túy (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết hỗ trợ cho đối tượng sử dụng ma túy trong truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng và hoạt động trợ giúp giảm tác hại. Kết thúc học phần, sinh viên hiểu được: Tổng quan chung về ma túy và người sử dụng ma túy; Các khái niệm liên quan đến sử dụng và điều trị cai nghiện ma túy, nguyên nhân, hậu quả và những khó khăn mà người sử dụng ma túy đang phải đối mặt; Hiểu được mục đích, phương pháp, kỹ năng CTXH trong trợ giúp người sử dụng ma túy; Vận dụng kiến thức, phương pháp, kỹ năng CTXH trong quá trình trợ giúp người sử dụng ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng.

9.2.3. Thực hành, thực tập tốt nghiệp (14 tín chỉ)

[1.] Thực hành CTXH 1 (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (0/0/06)

Học phần học trước: CTXH với cá nhân, Tham vấn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: phần thực hành CTXH 1 là thực hành CTXH với cá nhân, nhằm giúp sinh viên liên hệ, áp dụng lý thuyết vào quá trình nhận diện các vấn đề cụ thể của cá nhân trong thực tiễn, giúp sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn những lý thuyết đã học. Thực hành CTXH 1 là quá trình sinh viên được tiếp xúc, làm việc trực tiếp với các thân chủ, là các cá nhân, gia đình gặp khó khăn hoặc có vấn đề về chức năng xã hội đang ở trong các bối cảnh khác nhau như cộng đồng, trường học, cơ sở xã hội, bệnh viện, ... Vận dụng các kỹ năng, phương pháp CTXH với cá nhân để nhận diện các vấn đề, thực hiện theo tiến trình để giúp đỡ cá nhân thân chủ giải quyết các vấn đề của họ, dưới sự hướng dẫn và giám sát của kiểm huấn viên - những người đang làm việc trong lĩnh vực CTXH tại các cơ sở hoặc giảng viên thực hành tại thực địa. Học phần thực hành này đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và phát triển những kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của sinh viên trong quá trình hỗ trợ cá nhân.

[2.] Thực hành CTXH 2 (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (0/0/06)

Học phần học trước: Thực hành CTXH 1, CTXH với nhóm

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thực hành CTXH 2 là thực hành CTXH với nhóm giúp người học làm quen với việc thực hành kỹ năng CTXH nhóm tại môi trường thực tế với những nhóm đối tượng cụ thể; vận dụng những thức đã học vào thực tế để định hướng và làm quen với môi trường CTXH nhóm đa dạng. Trên cơ sở đó, vận dụng để thực hành CTXH với một hay một vài nhóm có nhu cầu trợ giúp dưới sự giám sát, hỗ trợ. Việc thực hành kỹ năng nghề nghiệp đòi hỏi phải có một quá trình học hỏi, tích lũy và phát triển. Thời gian thực hành càng nhiều sẽ càng giúp cho người học có thêm kinh nghiệm và có thêm nhiều kỹ năng phục vụ cho công việc của họ sau này. Cuối cùng của đợt thực hành là viết báo cáo tổng kết CTXH nhóm.

[3.] Thực hành CTXH 3 (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập:

Học phần học trước: Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Tổ chức và phát triển cộng đồng, CTXH với nhóm, Phương pháp điều tra xã hội học.

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thực hành CTXH 3 là thực hành phát triển cộng đồng, nhằm giúp sinh viên liên hệ, áp dụng lý thuyết phát triển cộng đồng vào thực tiễn tại một cộng đồng cụ thể và từ thực tiễn giúp sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn những lý thuyết đã học. Học phần chú trọng vào việc rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp, thiết lập mối quan hệ tin cậy với chính quyền, các ban ngành, cán bộ và người dân tại cộng đồng. Bên cạnh đó, học phần chú trọng trang bị cho sinh viên hình thành những ý thức và khả năng nhìn nhận cộng đồng dưới cái nhìn toàn diện về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội và chính trị. Đồng thời cung cấp và hướng dẫn sinh viên phát huy kỹ năng và năng lực chuyên môn trong thực hành nghề như kỹ năng hội nhập và làm việc với cộng đồng; xây dựng hồ sơ cộng đồng; nhận diện nhu cầu, vấn đề và thế mạnh của cộng đồng; truyền thông giao tiếp; tạo sự tham gia; tổ chức và lên kế hoạch, lượng giá. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên phát triển/củng cố tác phong chuyên nghiệp của một nhân viên xã hội khi làm việc với cộng đồng.

[4.] Thực tập tốt nghiệp (05 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 05 (0/0/10)

Học phần học trước: Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Thực hành CTXH 3

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần thực hành tổng hợp, giúp người học tìm hiểu thực tiễn các hoạt động về CTXH tại cơ sở; vận dụng các kiến thức đã học vào việc giúp đỡ các đối tượng; thực tập các phương pháp CTXH cá nhân, CTXH nhóm, phát triển cộng đồng, quản trị CTXH,... Qua đó, giáo dục ý thức, tinh thần trách nhiệm và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp CTXH, người học có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn với trọng tâm là kiến thức chuyên sâu đã học. Trên cơ sở đó chuẩn bị tâm thế cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tìm việc làm. Với thực tế chuyên ngành, sinh viên có thể thực tập tại các phòng/ban của Sở/Phòng Lao động - Thương binh - xã hội; Các trung tâm bảo trợ xã hội (nhà nước hoặc tư nhân); Các mô hình dịch vụ CTXH của các cơ quan, bộ, ngành ở trung ương và địa phương như: Ngôi nhà bình yên; Nhà tạm lánh; Trung tâm tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý... Các bệnh viện, trường học công lập, tư thục... Các tổ chức: Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên; Hội Chữ thập đỏ... các cấp địa phương, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức tư nhân hoạt động có liên quan đến các nhóm đối tượng của CTXH...

9.2.4. Tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Học phần thay thế tốt nghiệp (7/13 tín chỉ)

[1.] Công tác xã hội với nhóm trẻ rối loạn phát triển (03 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 03 (03/0/06)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Khái niệm, bản chất và tính tất yếu; quy trình giáo dục hoà nhập; các lý thuyết cơ bản vận dụng trong thiết kế và tiến hành hoạt động giáo dục và dạy học hoà nhập đảm bảo sự tham gia và đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ có nhu cầu đặc biệt; công tác xã hội hoá trong giáo dục hoà nhập (bao gồm cả phần thực hành).

[2.] Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán (04 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 04 (04/0/08)

Học phần học trước: CTXH đại cương, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức về khái niệm mua bán người và nạn nhân của mua bán người; các nguyên nhân, hình thức mua bán người; các vấn đề cơ bản và nhu cầu của nạn nhân bị mua bán; hệ thống luật pháp chính sách và các chương trình hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Các dịch vụ hỗ trợ của CTXH với nạn nhân bị mua bán như: dịch vụ hỗ trợ nhà và nơi ở; dịch vụ hỗ trợ đánh giá tính an toàn và an ninh; dịch vụ hỗ trợ thủ tục hành chính và pháp lý; dịch vụ hỗ trợ CSSK...

10. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo

10.1. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, điều kiện học tập

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định: Nhà trường quản lý và sử dụng Nhà làm việc - Thí nghiệm 5 tầng với diện tích sàn xây dựng là $5.400m^2$, trong đó diện tích phòng làm việc dành cho CB, GV là $1.057m^2$. Các đơn vị trong trường đều được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, điều hoà nhiệt độ, bàn ghế và các phương tiện làm việc khác đáp ứng điều kiện làm việc của đội ngũ CB, GV nhà trường.

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định TCVN 3981:1985 cho việc dạy và học (diện tích học sàn xây dựng là $7.730m^2$), tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy đạt mức cao $1,4m^2$ (mức chuẩn $0,9-1,5m^2$); có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định (Bãi tập $2.000m^2$ được sử

dụng chung với Khoa Ngoại Ngữ và Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông và 300m² sân bóng rổ. Ngoài ra, nhà trường sử dụng nhà thi đấu Thể dục thể thao của ĐHTN với diện tích xây dựng 3.500m² để phục vụ giảng dạy và học tập). Các thiết bị phục vụ cho tập luyện đáp ứng đủ theo yêu cầu của Bộ môn Giáo dục thể chất.

Hệ thống giảng đường, phụng học lý thuyết (33 phòng) được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, đèn chiếu sáng, quạt mát và đa số được gắn máy chiếu cố định, các phòng chưa có, sử dụng máy chiếu di động được bố trí và quản lý tại phụng chờ GV tại các khu giảng đường, các phòng học ghép, phòng học lớn có các thiết bị âm thanh trợ giảng. Các phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thực hành có biển chỉ dẫn và biển tên rõ ràng. Việc sắp xếp phòng học được thực hiện trên phần mềm IU thuận tiện cho việc quản lý của Nhà trường, theo dõi lịch học, phòng học của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, cụ thể như sau: 100% phòng học đều được lắp đặt máy chiếu, màn chiếu, loa trợ giảng di động, hệ thống âm thanh trợ giảng hiện đại được lắp cố định tại giảng đường lớn.

Trang thiết bị dạy và học được khai thác hiệu quả, phòng thực hành, thí nghiệm được các khoa chuyên môn trực tiếp quản lý sử dụng đúng mục đích các phòng thí nghiệm đều có nhật ký sử dụng thiết bị thí nghiệm. Phòng Quản trị - Phục vụ chuyên trách về công tác quản trị thiết bị, thực hiện quản lý tài sản, kiểm kê tài sản định kỳ để đánh giá chất lượng và đảm bảo tài sản, thiết bị được sử dụng đúng mục đích; lập các quy trình quy định việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cũng như đầu tư mới, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị phục vụ đào tạo. Nhà trường cũng có cơ chế giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng CSVC, trang thiết bị một cách chặt chẽ theo đúng quy định sử dụng trang thiết bị nhà nước đúng mục đích. Định kỳ, hàng năm Nhà trường luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định hiện hành. Hàng năm, phòng Quản trị - Phục vụ phối hợp với phòng KHTC tổng hợp các đề xuất từ các đơn vị trực thuộc để báo cáo lãnh đạo Trường về nhu cầu đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị. Căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí của năm tài chính, Hiệu trưởng sẽ ban hành Dự toán phân bổ kinh phí cho các đơn vị, trong đó có kinh phí duyệt cho kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản.

Khoa có hệ thống phụng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa cũng có một phụng thực hành nghiệp vụ nhằm phục vụ các hoạt động giảng dạy, trao đổi chuyên môn, seminar khoa học và thực hành kỹ năng nghề CTXH.

10.2. Thư viện

Hệ thống tư liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo (cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) từ 02 đơn vị là Trung tâm Học liệu và Công nghệ Thông tin (TTHL&CNTT) - ĐHTN và thư viện của nhà trường (do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học quản lý) vô cùng phong phú, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin và học tập, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên nhà trường. TTHL&CNTT của ĐHTN có diện tích trên 10.000 m², phòng đọc 450 chỗ ngồi và phòng máy tính 400 chỗ cùng với CSVC hiện đại khác; Thư viện trường ĐHKH với diện tích gần 200m², 10 máy tính nối mạng, phòng đọc trên 60m².

TTHL&CNTT có chức năng điều hành và thúc đẩy phát triển hệ thống thông tin - thư viện trong toàn đại học được xây dựng khang trang, tiện nghi, hiện đại với tổng diện tích sử dụng hơn 10.000m². TTHL&CNTT có hệ thống nhiều phòng học, thảo luận nhóm, khu vực học tập yên tĩnh, phòng nghe nhìn đa phương tiện theo tiêu chuẩn quốc tế, phòng dành cho các giảng viên ĐHTN và học viên sau đại học, khu vực cà phê, đồ ăn nhẹ, hội trường lớn trên 300 chỗ ngồi trang bị phương tiện nghe nhìn hiện đại và hệ thống cầu truyền hình trực tuyến, 400 máy tính nối mạng tốc độ, và một hệ thống trang thiết bị hỗ trợ nghiệp vụ như: máy photocopy và máy in kết nối mạng, máy chiếu, camera, được bố trí lắp đặt hợp lý.

Trường ĐHKH có vị trí gần TTHL&CNTT nên hầu hết CBVC, học viên, SV của nhà trường được sử dụng CSVC và nguồn tài nguyên phong phú của TTHL&CNTT để phục vụ nhu cầu đào tạo, học tập và NCKH, đáp ứng đầy đủ điều kiện của một thư viện hiện đại. Hiện TTHL&CNTT đã sở hữu bộ sưu tập sách lên tới 122.319 cuốn với nhiều lĩnh vực khác nhau từ khoa học xã hội, lịch sử, nhân văn đến khoa học tự nhiên, trái đất, sinh học... trong đó: 27.790 cuốn giáo trình, trên 5.000 cuốn tài liệu tham khảo, 8.794 luận án, luận văn, báo cáo NCKH và tài liệu khác. TTHL cũng sở hữu 45.436 tài liệu điện tử, trong đó: 3.366 giáo trình điện tử, 8.069 tài liệu chuyên khảo, tham khảo, 8.345 luận văn luận án, 8.812 kết quả nghiên cứu, 651 bài giảng điện tử, 16.043 bài trích báo, tạp chí, 150 tài liệu nghe nhìn. Tất cả tài nguyên thông tin của TTHL đều được quản lý bằng phần mềm thư viện Elib do cán bộ TTHL viết và Ilib 4.0 của CMC và xử lý dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế của ngành thư viện như: Dublin code, DDC, MARC21, AACR2. Định kỳ hằng năm, TTHL&CNTT phối hợp với trường ĐHKH bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho các đơn vị trong nhà trường.

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học, có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả. Thư

viện trường ĐHKH có nguồn học liệu trên 4.600 đầu sách in (tương đương 17.240 cuốn) và gần 2.200 tài liệu điện tử, chiếm 47% nguồn học liệu (trong đó chủ yếu là luận văn và luận án) được quản lý trên phần mềm ELIB với đầy đủ các chức năng của một cổng thông tin thư viện hiện đại và kết nối trực tiếp với nguồn học liệu điện tử của TTHL trên trang website: <http://lib.tnus.edu.vn>. Thư viện của Nhà trường với 4 phòng có diện tích 158m², máy vi tính kết nối Internet. Hàng năm, nhà trường dành một phần kinh phí hợp lư từ nguồn thu học phí để bổ sung nguồn tài liệu cũng như cải tiến chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ của CBVC và người học.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, và của trường Đại học Khoa học.

Giờ quy định tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
= 30 tiết thí nghiệm hoặc thực hành
= 45 giờ tự học
= 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở
= 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của Trường Đại học Khoa học và Đại học Thái Nguyên. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà sinh viên được phép đăng ký. Sinh viên có thể tự học hoặc đăng ký học theo chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ của Nhà trường.

LÃNH ĐẠO KHOA


Nguyễn Minh Tuấn

PHÒNG ĐÀO TẠO –
QLKH & HTQT


Ngô Văn Đức



HIỆU TRƯỞNG


KÝ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái



Handwritten signature
Date: 10/10/2023

Handwritten signature
Date: 10/10/2023

PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG QUAN VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Học phần	Mức năng lực ứng với chuẩn đầu ra CTĐT																	
	1				2					3			4					
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ 1																		
Tiếng Anh 1	3									3	3							
Công tác xã hội đại cương		3			3		3	3	3	3	3		3	3				
Xã hội học đại cương	3				3		3	3	3	3	3		3	2				
Kỹ năng giao tiếp	3					3		3	3	3	3		3	2				
Tự chọn																		
<i>Truyền thông và vận động xã hội*</i>		3			3		3	3	3	3	3		3					
<i>Phương pháp nghiên cứu định tính trong khoa học xã hội</i>	3				3						3		3					
Học kỳ 2																		
Triết học Mác – Lênin	3					3	3			3	3		3	3				
Tiếng Anh 2		3						3	3	3	3		3		3			
Tin học đại cương	3					3		3	3		3		3			3	3	2
Pháp luật đại cương	3				3	3	3	3	3	3	3		3					



Lịch sử Đảng CS Việt Nam	3				3		3			3	3		3					
Tư tưởng HCM	3				3	3	3			3	3		3	3				
Thống kê xã hội học		3		3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	3	3	3
Môi trường và phát triển bền vững	3				3	3	3			3	3		3	3	3			3
CTXH với cá nhân		4		3	4	4		4	4	4	4		3		3	3	3	3
Phương pháp điều tra xã hội học		3			3			3	3				3					3
Tự chọn																		
Nghiệp vụ văn phòng (*)		3		3	3	3		3	3	3	3		3		3	3	3	3
Khởi nghiệp		3											3					3
Bảo hiểm xã hội		3		3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	3	3	3
Học kỳ 5																		
CTXH với nhóm		4		3	3	3	3	4	4	4	3		3		3	3	3	3
Giới và phát triển		3		3	3	3	3	4	4	3	3		3	3				
Trợ giúp xã hội		3		3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	4	3	3
Đạo đức nghề công tác xã hội		4		3	3	3	3	4	4	3	4		3	3	3	4	3	3
Thực hành CTXH 1		4		3	3	3		4	4	4	4		3	3	3	4	3	3
Phân tích và xử lý số liệu với phần mềm SPSS	3			3	3			3	3	3			3			3	3	3
Học kỳ 6																		

Tổ chức và phát triển cộng đồng		4		3	3			4	4	4	4		3	3	3	3	3	3
Quản trị công tác xã hội		3		3	3	3	3	4	4	3	3		3	3	3	4	3	3
Công tác xã hội trường học		4		3	3	3	3	4	4	3	3		3	3	3	4	3	3
Công tác xã hội trong y tế		4		3	3	3	3	4	4	4	4		3	3	3	4	3	3
Thực hành Công tác xã hội 2		4		3	3	3	3	4	4	4	4		3	3	3	4	3	3
Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng		3		3	3	3		3	3	3	3		3		3	3	3	3
Học kỳ 7																		
Công tác xã hội với trẻ em		4		3	3	3	3	4	4	3	3		4	3	3	3	3	3
Công tác xã hội với dân tộc thiểu số		4		3	3	3	3	4	4	3	3		3		3	3	3	3
Công tác xã hội với người khuyết tật		4		3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3
Thực hành công tác xã hội 3		4		3	3	3	3	4	4	3	3		4		3	4	3	3
Tự chọn																		
Công tác xã hội với người nghèo *		4		3	3	3	3	3	3	3	3		3	3		3	3	3
Công tác xã hội với người sử dụng ma túy		4		3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	3	3	3

<i>Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình</i>		3		3	3			3	3	3	3		3		3	3	3	3
<i>Quản lý trường hợp trong công tác xã hội</i>		3		3				3	3	3	3		3			3	3	3
Học kỳ 8																		
Thực tập tốt nghiệp			4	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	4	4	4
Khoá luận TN/Học phần thay thế TN			4	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	4	3	3
Học phần thay thế tốt nghiệp																		
Chuyên đề 1: Quản lý giáo dục hoà nhập			4	3	3	3	3	4	4	4	4		4	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán			4	3	3	3	3	4	4	4	4		4	3	3	3	3	3

PHỤ LỤC 2: LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG – NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

CĐR CTĐT	1				2					3			4					
CĐR cấp độ 2	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ I	3	3			3	3	3	3	3	3	3		2.83	2.33				
Học kỳ II	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	2.5
Học kỳ III	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Học kỳ IV	3	3.2		3	3.1	3.1	3	3.25	3.25	3.14	3.14		3	3	3	3	3	3
Học kỳ V	3	3.5		3	3	3	3	3.57	3.57	3.28	3.3		3	3	3	3.5	3	3
Học kỳ VI		3.5		3	3	3	3	3.25	3.25	3.37	3.37		3	3	3	3.5	3	3
Học kỳ VII		4		3	3	3	3	3.5	3.5	3	3		3.3	3	3	3.3	3	3
Học kỳ VIII			4	3	3	3	3	3.5	3.5	3.5	3.5		3.5	3	3	3.5	3.25	3.25



PHỤ LỤC: SƠ ĐỒ TƯƠNG QUAN CỦA CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT

